

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-01-2018.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bé Bảy;

Bà Nguyễn Việt Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2007 chị và anh P được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức đám và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng có 01 con chung. Thời gian gần đây vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong lối sống và trong sinh hoạt. Chị và con bị bệnh anh P không chăm lo, vợ chồng thương xuyên cự cãi, không có sự đồng cảm hiểu nhau. Từ năm 2014 vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh năm 2008, hiện chị đang nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu.

- ***Biên bản ghi ý kiến ngày 17/12/2017 Nguyễn Thị Cẩm Tú trình bày:*** cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định.

[2] Về nội dung: Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh P không chăm lo vợ con và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Chị T xác định không còn tình cảm với anh P nên vẫn giữa yêu cầu được ly hôn với anh P.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ anh P nhiều lần đề tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh P vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.* 2. *Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Chị T và anh P không chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay mà không có lý do chính đáng nên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng và chị T cho rằng không còn thương yêu anh P nên vợ chồng đã không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 22/8/2008, hiện do chị T nuôi dưỡng. Xét thấy con chung có nguyện vọng sống với mẹ nên để ổn định sự phát triển của con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung. Giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 22/8/2008 cho chị T nuôi dưỡng

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy

định “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Áp dụng điều luật đã viện dẫn thì yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận nên buộc anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 22/8/2008 mỗi tháng 650.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung Nguyễn Thị Cẩm Tú tròn 18 tuổi.

Anh P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu 300.000 đồng. Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 19; Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 22/8/2008 chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: buộc anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 22/8/2008 mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm ngàn đồng), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Anh P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

- Nợ chung: không có.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011714 ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu án phí.

Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M khi án có hiệu lực.

4. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**